TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNHVĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 290/2025/DS-PT
Ngày: 24 /3/2026
V/v:tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ánh Bình.
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Chí Đức
Bà Nguyễn Thị Kim Chi

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Bích Liễu –Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:* Bà Trần Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 798/2025/TLPT-DS ngày 16 tháng 12 năm 2025 về "*tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 89/2025/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Vĩnh Long, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số:158/2026/QĐ-PT, ngày 03 tháng 02 năm 2026, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Thu S, sinh năm 1964. Địa chỉ: ấp P, xã P, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn N sinh năm 1964. Địa chỉ: số B ấp H, xã H, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

- *Bị đơn:* ông Nguyễn Hoàng Â, sinh năm 1986. Cư trú tại: ấp L, xã V, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

Hộ khẩu thường trú: số D kênh A, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn là bà Nguyễn Thị Kim Y, sinh năm 1983. Địa chỉ: B, khu V, phường T, thành phố Cần Thơ (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 02/6/2025) (có mặt).

Người kháng cáo: ông Nguyễn Hoàng Â là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Thu S và tại phiên tòa sơ thẩm ông Phan Văn D là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 18 tháng 12 năm 2023, bà Lê Thị Thu S có cho ông Nguyễn Hoàng Â vay số tiền 700.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 1,66%/tháng, thời hạn vay 6 tháng, hai bên có làm hợp đồng vay và biên nhận nhận tiền bằng văn bản. Sau khi vay thì ông Â không đóng lãi và cũng không trả tiền vốn. Nay ông

Â chỉ đồng ý trả tiền vốn là 633.000.000 đồng thì bà S cũng thống nhất. Vì vậy bà S yêu cầu ông Â phải hoàn trả số tiền vốn là 633.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất 1,66%/tháng từ ngày 18 tháng 12 năm 2023 cho đến khi trả xong nợ. Bà S rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền vốn là 67.000.000 đồng.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Hoàng Â và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là bà Nguyễn Thị Kim Y trình bày: Vào khoảng năm 2022 bà Lê Thị Thu S có cho ông Nguyễn Hoàng Â vay số tiền 1.200.000.000 đồng, hai bên không có thỏa thuận lãi suất, sau đó ông Â có trả cho bà S nhiều lần tổng số tiền là 567.000.000 đồng. Ngày 18 tháng 12 năm 2023 bà S yêu cầu ông Â ký hợp đồng vay tiền với nội dung ông Â vay của bà S số tiền 700.000.000 đồng theo mức lãi suất 1,66%/tháng, thời hạn vay 6 tháng nhưng thực tế thì ông Â chỉ có nợ bà S số tiền 633.000.000 đồng chứ không phải 700.000.000 đồng, việc ký hợp đồng vay số tiền 700.000.000 đồng là do bà S đang giữ xe ô tô của ông Â và yêu cầu ông Â phải ký hợp đồng vay số tiền 700.000.000 đồng thì bà S mới trả xe. Nay ông Â đồng ý trả cho bà S số tiền vay gồm tiền vốn là 633.000.000 đồng và chỉ đồng ý trả lãi theo mức lãi suất 10%/năm từ ngày 18 tháng 12 năm 2023 cho đến khi xét xử.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 89/2025/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Vĩnh Long đã quyết định:

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thu S về việc yêu cầu ông Nguyễn Hoàng Â phải hoàn trả số tiền vốn vay là 67.000.000 đồng.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Nguyễn Hoàng Â phải hoàn trả cho bà Lê Thị Thu S số tiền vay gồm tiền vốn là 633.000.000 đồng và tiền lãi là 222.064.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, về nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 30/9/2025 bị đơn ông Nguyễn Hoàng Â kháng cáo bản án sơ thẩm, với nội dung như sau:

- Ông Nguyễn Hoàng Â chỉ đồng ý trả cho bà Lê Thị Thu S số tiền 633.000.000đ, yêu cầu tính lãi suất 10%/năm, tạm tính từ ngày 18/12/2023 đến ngày 22/9/2025.

- Yêu cầu trả hàng tháng cho bà Lê Thị Thu S số tiền là 3.000.000đ.

- Hủy một phần bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Vĩnh Long vì giải quyết vụ án chưa đảm bảo thủ tục tố tụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Bà Nguyễn Thị Kim Y là người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Hoàng Â xác định lại nội dung kháng cáo, hôm nay ông Â thay đổi yêu cầu kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Hủy một phần bản án sơ thẩm do vi phạm thủ tục tố tụng, cụ thể: cấp sơ thẩm sử dụng hợp đồng vay tiền là bản phô tô để giải quyết vụ án là không đúng quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn không có mặt, cũng không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nhưng Tòa án vẫn xét xử. Tòa án cấp sơ thẩm không thu thập chứng cứ theo yêu cầu

của bị đơn là biên bản lấy lời khai của bà S tại Công an huyện M cũ (nay là xã P). Do đó ông Â yêu cầu hủy một phần bản án sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn N là người đại diện hợp pháp của bà Lê Thị Thu S không đồng ý kháng cáo của bị đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Nguyễn Hoàng Â

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 89/2025/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Vĩnh Long

Về án phí dân sự phúc thẩm: bị đơn Nguyễn Hoàng Â phải chịu án phí dân sự phúc thẩm số tiền 300.000đ, nhưng được khấu trừ số tiền đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Hoàng Â làm trong hạn luật định và đúng trình tự thủ tục mà Bộ luật tố tụng dân sự quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn Nguyễn Hoàng Â do bà Nguyễn Thị Kim Y làm đại diện trình bày tại phiên tòa phúc thẩm, yêu cầu hủy một phần bản án sơ thẩm do vi phạm thủ tục tố tụng, xét thấy:

[4] Đối với kháng cáo của bị đơn cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm sử dụng bản phô tô hợp đồng vay tài sản ngày 18/12/2023 để giải quyết vụ án là vi phạm tố tụng, xét thấy: theo nội dung hợp đồng vay tiền ngày 18/12/2023 thì bị đơn vay của nguyên đơn số tiền gốc 700.000.000đ, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu đối với số tiền 67.000.000đ, chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền vay gốc còn nợ là 633.000.000đ (Sáu trăm ba mươi ba triệu đồng) và yêu cầu trả lãi suất theo hợp đồng vay tiền là 20%/năm(1,66%/tháng). Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Hoàng Â có bà Nguyễn Thị Kim Y làm đại diện thừa nhận ông Â có vay tiền của bà S và hiện nay còn nợ số tiền gốc 633.000.000đ (Sáu trăm ba mươi ba triệu đồng) và ông Â đồng ý trả số tiền 633.000.000đ cho bà S. Đây là tình tiết, sự kiện được các bên đương sự thừa nhận nên không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về lãi suất, bà S yêu cầu ông Â trả mức lãi suất 20%/năm, ông Â chỉ đồng ý trả lãi suất 10%/năm, như vậy các bên chỉ tranh chấp về tiền lãi suất. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm xét xử buộc bị đơn trả nguyên

đơn số tiền gốc 633.000.000đ là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, không ảnh hưởng đến việc Tòa án cấp sơ thẩm sử dụng bản phô "Hợp đồng vay tài sản" để giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm phía nguyên đơn cũng đã nộp bản chính hợp đồng vay tài sản ngày 18/12/2023. Do đó không chấp nhận kháng cáo của bị đơn đối với nội dung này.

[5] Đối với kháng cáo của bị đơn cho rằng phiên tòa sơ thẩm không có mặt nguyên đơn và nguyên đơn cũng không có đơn xin vắng mặt, nhưng Tòa án vẫn xét xử là vi phạm, xét thấy: tại biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 14/8/2025, ông Phan Văn D là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Như vậy phiên tòa sơ thẩm không có mặt nguyên đơn là phù hợp quy định của pháp luật. Do đó không chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của phía bị đơn.

[6] Đối với kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không thu thập chứng cứ theo yêu cầu của bị đơn, cụ thể là không thu thập lời khai của bà S tại Công an huyện M, tỉnh Bến Tre (nay là Công an xã P, tỉnh Vĩnh Long), xét thấy: các tài liệu, chứng cứ có hồ sơ vụ án không thể hiện phía bị đơn có yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ và tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện của bị đơn cũng thừa nhận không có làm đơn yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm không vi phạm tố tụng như đại diện của bị đơn trình bày.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Hoàng Â. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 89/2025/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Vĩnh Long như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: căn cứ khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do kháng cáo không được chấp nhận nên buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm số tiền 300.000đ.

[8] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm về đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà S, về án phí dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Hoàng Â;

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 89/2025/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Vĩnh Long.

Căn cứ các Điều 466, 468, 470 Bộ luật dân sự 2015; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số:326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thu S về việc yêu cầu ông Nguyễn Hoàng Â phải hoàn trả số tiền vốn vay là 67.000.000 đồng.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Thu S;

1. Buộc ông Nguyễn Hoàng Â có nghĩa vụ hoàn trả bà Lê Thị Thu S số tiền gốc là 633.000.000 đồng và tiền lãi là 222.064.000 đồng, tổng cộng 855.064.000đ (T trăm năm mươi lăm triệu không trăm sáu mươi bốn nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hằng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Nguyễn Hoàng Â phải nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền 37.651.000 đồng (Ba mươi bảy triệu sáu trăm năm mươi mốt nghìn đồng).

Hoàn trả cho bà Lê Thị Thu S số tiền tạm ứng án phí đã nộp 18.243.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0009590, ngày 25 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 6-Vĩnh Long).

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: buộc ông Nguyễn Hoàng Â phải chịu án phí 300.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000đ theo biên lai số 0008486 ngày 05/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Ông Â đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- TAND khu vực 6 - VL;
- Phòng THADS khu vực 6-VL;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Đặng Thị Ánh Bình